

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2020/HNGĐ-ST
Ngày 16 tháng 01 năm 2020
V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lâm Thành Quang**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Loan**

2. Bà **Lê Tuyết Mai**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trịnh Nga Muội** - Thư ký viên, Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 16 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 780/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2019 về việc: “*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2020/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 01 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Kim Thị H**, sinh năm 1966.

- *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Văn U**, sinh năm 1966.

Cùng trú tại: Ấp V, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau.

(Nguyên đơn và bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Kim Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Văn U xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 1985, hôn nhân tự nguyện, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Trong thời gian chung sống, vợ chồng bất đồng quan điểm, thường hay cãi nhau, dẫn đến mâu thuẫn của vợ chồng ngày càng trầm trọng; không còn hạnh phúc. Nay, nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn U.

Về con chung: Vợ chồng có 05 người con chung tên: Nguyễn Kiều L, sinh năm 1987 (Giới tính: Nữ), Nguyễn Vũ P, sinh năm 1991 (Giới tính: Nam), Nguyễn Vũ H, sinh năm 1991 (Giới tính: Nam), Nguyễn Mộng C, sinh năm 1996 (Giới tính: Nữ), Nguyễn Vũ C, sinh năm 2002 (Giới tính: Nam). Hiện, các cháu: Nguyễn Kiều L,

Nguyễn Vũ P, Nguyễn Vũ H, Nguyễn Mộng C đã trưởng thành, có cuộc sống riêng, không yêu cầu giải quyết; còn cháu C đang sống chung với bà. Khi ly hôn, cháu C có nguyện vọng sống chung với ai thì người đó có trách nhiệm nuôi dưỡng. Không đặt ra việc cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay, bà yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định.

Bị đơn ông Nguyễn Văn U trình bày: Đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, thể hiện bà H yêu cầu ly hôn; nhưng ông U vẫn không có văn bản ý kiến trình bày đối với các yêu cầu khởi kiện của bà H. Vụ án đã được Tòa án tiến hành công khai chứng cứ và lập biên bản không tiến hành hòa giải được, do bị đơn vắng mặt. Đồng thời, vụ án được đưa ra xét xử theo thủ tục chung. Trong thời gian chuẩn bị xét xử, ông U có đơn xin xét xử vắng mặt, thống nhất ly hôn với bà H; tôn trọng theo nguyện vọng của Vũ Ca, có nguyện vọng sống chung với ai thì người đó có trách nhiệm nuôi dưỡng; không đặt ra việc cấp dưỡng; về tài sản chung và nợ chung không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án ghi nhận ý kiến cháu Huỳnh Tuấn Kiệt có nguyện vọng được sống chung với chị Trần Mỹ Dung.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án ghi nhận ý kiến cháu Nguyễn Vũ Ca có nguyện vọng được sống chung với mẹ Kim Thị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình”; bị đơn có nơi cư trú tại huyện Trần Văn Thời nên thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Do bị đơn vắng mặt, nên Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Vụ án được đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

[3] Do nguyên và bị đơn đều có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Xét xử vắng mặt nguyên và bị đơn là phù hợp.

[4] Bà H và ông U xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 1985, hôn nhân tự nguyện; nhưng đến nay bà H và ông U vẫn không thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn theo của quy định của pháp luật. Tuy nhiên, theo quy định tại điểm a mục 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định “Đối với quan hệ vợ chồng được xác lập trước khi Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực (trước ngày 03/01/1986) thì không bắt buộc phải đăng ký kết hôn. Trường hợp, không đăng ký kết hôn thì quan hệ vợ

chồng vẫn được công nhận là hợp pháp và thời kỳ hôn nhân hợp pháp bắt đầu kể từ ngày xác lập”. Do đó, Hội đồng xét xử cần công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông U là hợp pháp. Nay, ông bà đồng ý chấm dứt quan hệ hôn nhân do có nhiều mâu thuẫn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì, trong thời gian chung sống ông, bà thường hay cãi nhau, gây bất hòa với nhau mà không có bên nào có biện pháp khắc phục tình trạng mâu thuẫn. Xét, mâu thuẫn giữa bà H và ông U là thực tế có xảy ra và sự thỏa thuận của các đương sự trên tinh thần tự nguyện. Điều đó, chứng tỏ mâu thuẫn giữa bà H và ông U đã lâm vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, cho bà H được ly hôn với ông U là phù hợp với Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về con chung: Bà H và ông U có 05 người con chung tên: Nguyễn Kiều L, sinh năm 1987 (Giới tính: Nữ), Nguyễn Vũ P, sinh năm 1991 (Giới tính: Nam), Nguyễn Vũ Hào, sinh năm 1991 (Giới tính: Nam), Nguyễn Mộng C, sinh năm 1996 (Giới tính: Nữ), Nguyễn Vũ C, sinh năm 2002 (Giới tính: Nam). Đối với, các cháu Nguyễn Kiều L, Nguyễn Vũ P, Nguyễn Vũ H, Nguyễn Mộng C đã trưởng thành, có cuộc sống riêng, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết. Đối với, cháu C đang sống chung với bà H. Cả bà H và ông U thống nhất theo nguyện vọng của cháu C, cháu C có nguyện vọng sống chung với ai thì người đó có trách nhiệm nuôi dưỡng; không đặt ra việc cấp dưỡng. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có ghi nhận ý kiến của cháu C, có nguyện vọng được sống chung với bà H. Do đó, xét vì lợi ích của con chung, đảm bảo sự ổn định trong cuộc sống nên cần tiếp tục giao cháu C cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ tuổi thành niên, phù hợp với nguyện vọng của cháu C, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Không đặt ra việc cấp dưỡng.

[6] Về tài sản chung và nợ: Do, bà H và ông U xác định tự thỏa thuận, không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết. Trường hợp, các bên đương sự có tranh chấp về chia tài sản và nợ chung sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[7] Về án phí: Buộc bà H phải chịu số tiền 300.000 đồng (án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm) theo Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 177; Điều 179; khoản 2 Điều 228; Điều 238; Điều 235; Điều 273; Điều 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Áp dụng: Điều 19; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 và Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội; Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho bà Kim Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Văn U.

2. Về con chung: Bà Kim Thị H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên: Nguyễn Vũ C, sinh ngày 25/11/2002 (Giới tính: Nam), cho đến khi cháu đủ tuổi thành niên. Không đặt ra việc cấp dưỡng.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Trường hợp, bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Khi thấy cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Số tiền 300.000 đồng mà bà Kim Thị H đã dự nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002964 ngày 09/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, nay được chuyển thu đối trừ.

4. Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Nguyên đơn; Bị đơn(02b);
- VKSND H. Trần Văn Thời (01b);
- Chi cục THADS H. Trần Văn Thời (01b);
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn (01b);
- Lưu hồ sơ vụ án (01b);
- Lưu án văn (01b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Lâm Thành Quang